

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 06/2005/QĐ-BNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

***Về việc ban hành Quy định nghiệm thu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái
sinh rừng,
chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên***

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ vào Quy phạm kỹ thuật xây dựng rừng phòng hộ đầu nguồn QPN-13-91, ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-KT ngày 04/04/1991 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

Căn cứ vào Quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh các loài thông, bạch đàn, bồ đề, keo lá to để cung cấp nguyên liệu giấy (QTN 27-87), ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ ngày 23/06/1987 của Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

Căn cứ vào Quy phạm phục hồi rừng bằng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung (QPN 21-98), ban hành kèm theo Quyết định số 175/1998/QĐ-BNN-KHCN ngày 04/11/1998 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy định nghiệm thu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ. Bãi bỏ Quyết định số 162/1999/QĐ-BNN-PTLN ngày 10/12/1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn "Ban hành quy định tạm thời nghiệm thu khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung, trồng rừng và chăm sóc rừng".

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các Cục, Vụ các đơn vị có liên quan, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

**Nghiệm thu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc rừng
trồng,**

bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên

(ban hành kèm theo Quyết định số 06/2005/QĐ-BNN ngày 24/01/2005

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định nội dung, phương pháp tiến hành và tiêu chuẩn nghiệm thu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên (gọi tắt là các công trình lâm sinh).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân thực hiện giao, nhận khoán các công trình lâm sinh bằng vốn ngân sách Nhà nước cấp.

Đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện giao, nhận khoán các công trình lâm sinh bằng nguồn vốn viện trợ nước ngoài, vốn vay ngân sách và vay tín dụng các ngân hàng thương mại Nhà nước nếu không có quy định khác thì cũng thực hiện việc nghiệm thu theo Quy định này.

Đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện giao, nhận khoán các công trình lâm sinh bằng một phần vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thì thực hiện việc nghiệm thu các hoạt động lâm sinh được ngân sách hỗ trợ theo Quy định này hoặc theo các quy định riêng của chính sách hỗ trợ.

Đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện giao, nhận khoán các công trình lâm sinh bằng vốn vay tín dụng khác thì không thực hiện việc nghiệm thu theo quy định này.

Điều 3. Căn cứ để tiến hành nghiệm thu

1. Kế hoạch lâm sinh (trồng rừng, chăm sóc...) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Hồ sơ giao khoán; hợp đồng giao, nhận công việc giữa bên A (bên giao khoán) và bên B (bên nhận khoán).
3. Hồ sơ thiết kế, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nội dung nghiệm thu

1. Nghiệm thu khối lượng công việc: nghiệm thu khối lượng từng loại công việc thực hiện so với khối lượng hợp đồng được ký kết.
2. Nghiệm thu chất lượng công việc: nghiệm thu chất lượng từng loại công việc thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật so với thiết kế kỹ thuật được phê duyệt và hợp đồng ký kết.

Điều 5. Nghiệm thu cơ sở và phúc tra nghiệm thu.

1. Nghiệm thu cơ sở: Là nghiệm thu kết quả thực hiện giữa bên A (bên giao khoán) và bên B (bên nhận khoán).

a) Đối với các hạng mục lâm sinh cần thiết phải thực hiện qua 2 bước nghiệm thu - bước 1, bước 2, thì kết quả nghiệm thu các lần trong bước 1, là căn cứ để tiến hành nghiệm thu cơ sở (bước 2).

b) Kết quả nghiệm thu cơ sở là căn cứ sau cùng để thanh quyết toán công trình.

2. Phúc tra nghiệm thu: Là kiểm tra lại kết quả nghiệm thu cơ sở. Phúc tra nghiệm thu do cấp trên trực tiếp của bên A tiến hành đối với bên A, là công việc thuộc chức năng quản lý của cấp trên khi thấy cần thiết phải kiểm tra nghiệm thu. Thành phần phúc tra nghiệm thu do cấp trên của bên A quyết định. Mẫu biên bản nghiệm thu phúc tra tại Phụ biểu 5.

a) Phúc tra nghiệm thu chỉ thực hiện sau khi hoàn thành nghiệm thu cơ sở, chậm nhất 30 ngày kể từ khi có báo cáo kết quả nghiệm thu cơ sở.

b) Khối lượng phúc tra nghiệm thu bằng 10% khối lượng nghiệm thu cơ sở. Trường hợp cần thiết có thể tăng khối lượng phúc tra nghiệm thu để tăng cường chức năng kiểm tra giám sát.

c) Kết quả nghiệm thu phúc tra sẽ phủ nhận kết quả nghiệm thu cơ sở, là căn cứ sau cùng để thanh quyết toán công trình.

Chương II

NGHIỆM THU TRỒNG RỪNG

Điều 6. Quy định các bước nghiệm thu, nội dung, phương pháp tiến hành nghiệm thu cơ sở.

1. Các bước nghiệm thu

a) Bước 1: Nghiệm thu công tác chuẩn bị trồng rừng

Bước nghiệm thu này làm cơ sở để quyết định bên nhận khoán được tiếp tục trồng rừng theo hợp đồng đã ký.

- Thành phần tham gia nghiệm thu: Cán bộ kỹ thuật giám sát của bên A nghiệm thu trực tiếp với bên B.

- Nội dung nghiệm thu: nghiệm thu toàn diện trên toàn bộ diện tích, bao gồm phát dọn thực bì, cuốc hố, kích thước hố, cự ly hố, bón lót.

- Kết quả nghiệm thu bước 1 được thể hiện trên phiếu nghiệm thu theo mẫu tại Phụ biểu la và là cơ sở cho nghiệm thu trồng rừng (bước 2).

b) Bước 2: Nghiệm thu sau khi trồng, tiến hành hai đợt, đợt một thời gian nghiệm thu sau khi trồng 2 tháng đối với tất cả các loài cây đợt hai nghiệm thu phần diện tích

không đạt tiêu chuẩn trong nghiệm thu đợt một, nghiệm thu đợt hai tiến hành sau khi trồng dặm một tháng.

- Thành phần tham gia nghiệm thu.

Bên giao khoán: Gồm đại diện chủ dự án cấp cơ sở (lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, kế toán).

Bên nhận khoán: Người đại diện nhận khoán và một trong các đại diện hợp tác xã chính quyền xã, thôn bản (nếu thấy cần thiết)

2. Nội dung nghiệm thu bước 2, phương pháp tiến hành.

a) Nghiệm thu khối lượng: Kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, xác định vị trí ranh giới, đối chiếu với bản đồ triết kế, khoanh và xác định tỷ lệ thực hiện bằng mục trắc hoặc đo đạc trực tiếp.

b) Nghiệm thu chất lượng: Nghiệm thu các tiêu chuẩn kỹ thuật trồng rừng được quy định: trong hợp đồng giao khoán.

- Đối với rừng trồng toàn diện:

Đo đếm toàn bộ diện tích hoặc đo đếm ô tiêu chuẩn.

Nếu đo đếm ô tiêu chuẩn thì diện tích ô tiêu chuẩn là $100m^2$, được lập trên tuyến đại diện của lô rừng. Số ô tiêu chuẩn tối thiểu được quy định như sau:

Diện tích lô < 3 ha: 10 ô

Diện tích lô > 3 - 4 ha 15 ô

Diện tích lô > 4 - 5 ha: 20 ô

- Đối với rừng trồng theo băng: Đo đếm toàn bộ số lượng cây trên diện tích băng trồng.

c) Kết quả nghiệm thu bước 2 là căn cứ để thanh quyết toán hợp đồng, được thể hiện theo mẫu tại Phụ biểu 1b.

3. Các chỉ tiêu nghiệm thu, biện pháp xử lý

- Chỉ tiêu nghiệm thu bước 1 (chuẩn bị trồng rừng).

Các chỉ	Nội dung	Tiêu chuẩn	Biện pháp xử lý
---------	----------	------------	-----------------